

QUYẾT ĐỊNH

Danh mục cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

Căn cứ vào Quyết định số 940/QĐ-BGTVT ngày 15/5/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2020;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xác định nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2020;

Xét văn bản đề xuất nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2020 của các đơn vị: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải để đưa ra tuyển chọn thực hiện năm 2020 (có danh mục kèm theo).



Điều 2. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm thông báo và triển khai thực hiện tuyển chọn cơ quan chủ trì nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học - Công nghệ, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TCĐBVN, Cục ĐSVN, Cục HKVN, Cục ĐKVN, Viện KH và CN GTVT;
- Công thông tin Bộ GTVT (để th/b);
- Lưu VT, KHCN;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Đông

Danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải năm 2020

(kèm theo Quyết định số: 1110/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2019)

STT	Tên nhiệm vụ	Mã số	Hình thức phát hành	Thời gian (tháng)	Kinh phí dự kiến (triệu VNĐ)	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn hỗn hợp bê tông nhựa nguội dùng để vá sửa khẩn cấp mặt đường nhựa trong điều kiện mưa ướt – Thi công và nghiệm thu	TC2001	TCCS	12	120	
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường BTN cường độ cao sân bay	TC2002	TCVN	12	250	
3	Tiêu chuẩn duy tu bảo dưỡng mặt đường sân bay	TC2003	TCCS	12	150	
4	Tiêu chuẩn hỗn hợp vữa nhựa – Phương pháp thử.	TC2004	TCVN	12	320	
5	Bê tông phun trong công trình hầm giao thông - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	TC2005	TCVN	12	150	
6	Bê tông nhựa – Phương pháp thử xác định khả năng kháng nứt bằng mô hình uốn mẫu dầm bán nguyệt SCB (<i>Semi-Circular Bending</i>).	TC2006	TCVN	12	70	
7	Mặt đường bê tông nhựa nóng sử dụng nhựa đường thông thường – Thi công và nghiệm thu (<i>Hot mix asphalt concrete pavement using normal bitumen - Specification for Construction and Acceptance</i>)	TC2007	TCVN	12	150	
8	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc –	TC2008	TCVN	12	150	

	phương pháp xác định hoặc kiểm tra cấp nhựa (<i>Standard Practice for Grading or Verifying the Performance Grade (PG) of an Asphalt Binder</i>)					
9	Cầu đường sắt - Tiêu chuẩn thiết kế <i>Bao gồm các phần:</i> - Phần 8. Gói cầu, khe co giãn, lan can, thiết bị chống rơi dầm,...) - Phần 9. Thiết kế địa kỹ thuật (nền móng móng trụ, tường chắn, cống và kết cấu vùi,...) - Phần 10. Thiết kế cầu chịu động đất	TC2009	TCVN	18	500	
10	Bảo vệ catot cho cốt thép trong kết cấu bê tông	TC2010	TCVN	12	150	
11	Gói cầu cao su cốt bản thép có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TC2011	TCVN	12	150	
12	Mặt đường bê tông nhựa-Phương pháp đo và đánh giá độ chặt bê tông nhựa bằng thiết bị không phá hủy, không phóng xạ	TC2012	TCVN	12	120	
13	Đường ray – Tà vẹt – Tấm bản bê tông	TC2013	TCVN	12	300	
14	Hệ thống thông tin phục vụ chạy tàu (Train Communication Network)	TC2014	TCVN	12	150	
15	TCVN về tương thích điện từ - Tiêu chuẩn chung: Miễn nhiễm điện từ đối với môi trường công nghiệp	TC2015	TCVN	12	200	
16	TCVN về tương thích điện từ - Tiêu chuẩn chung: Tiêu chuẩn về phát xạ đối với môi trường công nghiệp	TC2016	TCVN	12	150	
17	Ứng dụng đường sắt - Hệ thống hãm – Bảo vệ chống trượt bánh xe	TC2017	TCVN	12	180 (NSNN 30)	
18	Giàn cố định trên biển - Phần 13: Tính toán vệt	TC2018	TCVN	12	100	

	của kết cấu trong khai thác				(NSNN 30)	
19	Phương tiện giao thông đường bộ- Tấm báo hiệu phía sau cho xe hạng nặng và dài-Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TC2019	TCVN	12	70 (NSNN 30)	
20	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đặc tính quang học đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Mã số đăng ký sửa đổi 1:2019 QCVN 35:2017/BGTVT	QC2001	QCVN	12	80 (NSNN 0)	
21	Sửa đổi lần 3:2020 QCVN 72:2013/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa	QC2002	QCVN	12	100 (NSNN 20)	
22	QC kỹ thuật quốc gia về quy phạm giám sát và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ. Mã số đăng ký QCVN25:2020/BGTVT	QC2003	QCVN	12	50 (NSNN 0)	
23	QC kỹ thuật quốc gia-Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21:2015/BGTVT	QC2004	QCVN	12	300 (NSNN 50)	
24	Bổ sung, sửa đổi QCVN 64:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển	QC2005	QCVN	12	55 (NSNN 0)	
25	Bổ sung, sửa đổi QCVN 65:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển	QC2006	QCVN	12	75 (NSNN 0)	
26	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm sử dụng trong giao thông vận tải	QC2007	QCVN	12	300 (NSNN 50)	
27	Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Mạch tiếp xúc điện kéo trên cao	TC2020	TCVN	12	180	
28	Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – An	TC2021	TCVN	12	150	

	toàn điện, nối đất và mạch hồi lưu – Phần 3: Tương tác lẫn nhau của hệ thống điện xoay chiều và hệ thống điện một chiều					
29	Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định - Quy định bảo vệ đối với hệ thống kéo điện AC và DC	TC2022	TCVN	12	160	
30	Ứng dụng đường sắt – Phối hợp cách nhiệt – Phần 1: Yêu cầu cơ bản – Khe hở và đường thoát nhiệt đối với các thiết bị điện, điện tử; Phần 2: Bảo vệ chống vượt áp và liên quan.	TC2023	TCVN	12	180	
				Tổng kinh phí dự kiến	5.060 triệu VNĐ (trong đó NSNN 3.960 triệu VNĐ)	

Handwritten signature or mark